TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/LĐ-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v tranh chấp về tiền lương, về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Đẹp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trường Tam - Cán bộ hưu trí từng công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C.

2. Ông Đặng Văn Vững - Cán bộ hưu trí từng công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện C.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 722/2023/TLST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về tiền lương, về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2023/QĐXXST-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2023/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp Nam, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số Q3, khu phố 4, Phường 3, thành phố A, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên H; Địa chỉ trụ sở: Lô C đường số 01, KCN Tân Kim, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin, Chun-Hsi - Chức vụ: Tổng giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện C; Địa chỉ trụ sở: Số 38 đường Nguyễn Thái Bình, Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng P - Chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2022, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N do ông Nguyễn Hải Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 08 tháng 01 năm 2018, bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH Một thành viên H (gọi tắt là Công ty) ký kết hợp đồng lao động số HA-CT-51741, hợp đồng không xác định thời hạn, chuyên môn là Công nhân, mức lương chính là 4.356.950 đồng. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì hàng tháng Công ty trích 10,5% từ lương tháng của người lao động, người sử dụng lao động đóng 22% trên mức tiền lương tháng của người lao động để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (tỷ lệ tham gia bảo hiểm theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội). Trong quá trình làm việc thì Công ty còn nợ lương bà N tháng 6, tháng 7 năm 2021 và không đóng bảo hiểm xã hội cho bà N kể từ tháng 5 năm 2021 nên đại diện Công đoàn các khu công nghiệp tỉnh Long An cùng Ủy ban nhân dân huyện C và các cơ quan chức năng của huyện đã mời đại diện Công ty giải quyết nhiều lần, trong biên bản làm việc ngày 24/9/2021 về việc Công ty nợ tiền lương công nhân lao động thì ông Wu Chi-Hsiu là giám đốc công ty cam kết sẽ trả 1/3 tiền lương tháng 6 năm 2021 vào ngày 30/9/2021 đồng thời sẽ có lộ trình cụ thể để trả số tiền nợ lương còn lại và cam kết sẽ đóng bảo hiểm xã hội nhưng Công ty không thực hiện nên Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện C đã mời các bên liên quan để Hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải theo quy định nhưng đại diện Công ty không tham dự nên hòa giải không thành. Trên cơ sở đó bà N khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả tiền nợ lương tháng 6 và tháng 7 năm 2021 cho bà N với tổng số tiền là 4.186.709 đồng và phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà N kể từ tháng 5 năm 2021 với số tiền là 4.338.001 đồng. Trong đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/3/2023, ông Đ đại diện cho bà N rút yêu cầu Công ty trả tiền nợ lương và xác định chỉ yêu cầu Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền là 4.561.260 đồng theo bảng tính nợ ngày 22/5/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện C. Đồng thời ông Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H đã được Tòa án thông báo hợp lệ nội dung đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không nộp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội huyện C do ông Lê Hồng P đại diện trình bày:

Bảo hiểm xã hội huyện C xác định Công ty TNHH Một thành viên Hỏi nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (gọi chung là bảo hiểm xã hội) của Công ty và bà Nguyễn Thị N từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền nợ là 4.561.260 đồng theo bảng tính ngày 22/5/2023 của Bảo hiểm xã hội. Đồng thời Bảo hiểm xã hội huyện C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Căn cứ vào hợp đồng lao động và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà N cùng bảng tính nợ ngày 22/5/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện C cung cấp xác định Công ty TNHH Một thành viên Hỏi còn nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (gọi chung là bảo hiểm xã hội) từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền nợ là 4.561.260 đồng nên buộc Công ty phải đóng cho bà N số tiền nợ bảo hiểm xã hội trên. Đối với tiền nợ lương: Ông Đ đại diện cho nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị đình chỉ giải quyết. Công ty phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H tranh chấp về tiền lương, về bảo hiểm xã hội trên cơ sở hợp đồng lao động giữa các bên. Bị đơn là pháp nhân đang hoạt động có trụ sở tại: Lô C đường số 01, KCN K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì vụ án "tranh chấp lao động về tiền lương, về bảo hiểm xã hội" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội huyện C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn đóng số tiền nợ bảo hiểm xã hội:

Căn cứ quy định tại Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019; các Điều 17, khoản 2 Điều 21, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a Khoản 1 Điều 13; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 của Văn bản hợp nhất Luật BHYT số 01/VBHN-VPQH ngày 10/7/2014; điểm a khoản 1 Điều 13; khoản 1 và khoản 2 Điều 15; Điều 44, Điều 57 Luật Việc làm năm 2013 và trên cơ sở hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận người sử dụng lao động phải có trách nhiệm đóng 22% trên mức tiền lương tháng của người lao động và hàng tháng trích 10,5% từ

tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, đồng thời tỷ lệ tham gia bảo hiểm thay đổi theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Trong văn bản ngày 22/5/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện C cung cấp về việc tính nợ bảo hiểm xã hội xác định Công ty TNHH Một thành viên Hỏi nợ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị N có số sổ BHXH: 8011031273 là từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền nợ bảo hiểm xã hội là 4.561.260 đồng.

Căn cứ vào văn bản tính nợ của Bảo hiểm xã hội huyện C có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH Một thành viên H chậm đóng bảo hiểm xã hội (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng) của Công ty và bà N trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền là 4.561.260 đồng đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Một thành viên Hỏi phải đóng số tiền nợ bảo hiểm xã hội là 4.561.260 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hỏi còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội huyện C với mức lãi suất theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng (nếu có).

[2.2] Đối với tiền nợ lương: Ông Đ đại diện cho nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu Công ty trả tiền nợ lương tháng 6 và tháng 7 năm 2021 với tổng số tiền là 4.186.709 đồng nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.3] Phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019; Các Điều 17, khoản 2 Điều 21, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a Khoản 1 Điều 13, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15, của Văn bản hợp nhất Luật BHYT số 01/VBHN-VPQH ngày 10/7/2014; điểm a khoản 1 Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 15, Điều 44, Điều 57 Luật Việc làm năm 2013; Mục 3 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên H đóng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên H đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện C số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 7 năm 2021 là 4.561.260 đồng cho bà Nguyễn Thị N có Sổ bảo hiểm xã hội số: 8011031273.

Công ty TNHH Một thành viên H còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội huyện C với mức lãi suất theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng (nếu có).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên H trả nợ lương tháng 6 và tháng 7 năm 2021 với số tiền là 4.186.709 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp